

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HN-ST

Ngày: 07-5-2021

*“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc
2. Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: 61/1 ấp V, xã Đ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Anh T có mặt. Chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/01/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh T trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh xin ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim L. Lý do: Anh và chị Huỳnh Thị Kim L do quen biết nhau trước mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T1 cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2014. Do cha mẹ của anh không đồng ý trước khi kết hôn vì chị L đã có 02 con riêng nên khi đăng ký kết hôn và cùng chung sống, cha mẹ của anh hoàn toàn không biết. Vợ chồng đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian gần đây, vợ chồng không còn hạnh phúc vì quá trình sống chung gần 07 năm

nhưng chị L không chịu sinh con, chỉ chăm lo cho các con riêng. Về tiền bạc luôn có sự mâu thuẫn do tiền của anh chị L lấy tiêu xài và nuôi con của mình, anh không lo được cho cha mẹ. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10/2020 cho đến nay, không liên lạc cũng không có thiện chí hòa giải. Anh thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, thấy không thể nào khắc phục mâu thuẫn nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L vắng mặt theo giấy triệu tập nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh T; Con chung: không có; Tài sản chung: không yêu cầu; Nợ chung của vợ chồng: Không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Minh T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định anh Nguyễn Minh T là nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Kim L là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Huỳnh Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh T, thấy rằng:

Anh T cho rằng do trước khi vợ chồng tiến đến hôn nhân không được cha mẹ của anh đồng ý, quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế, sống với nhau một thời gian dài nhưng không có con chung (theo anh T do chị L không muốn sinh con), đã không còn sống chung từ tháng 10/2020 cho đến nay nhưng không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, nay quyết định ly hôn. Chị L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L cư trú cho biết thông tin: Hôn nhân giữa anh T và chị L là có thật nhưng không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh T và chị L chung sống vợ chồng khoảng năm 2012 cho đến nay tại ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam. Chị L đi làm xa nhà, thỉnh thoảng có về thăm nhà nhưng có ở chung nhà với mẹ ruột là bà Đoàn Thị Đ và 02 con riêng của chị. Hoàn cảnh gia đình thuộc hộ nghèo tại địa phương. Qua các cuộc họp tổ tại địa phương không có tiếp nhận hồ sơ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L, cũng không rõ mâu thuẫn do họ đi làm.

Thấy rằng, mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị L là có thật, đã xảy ra trong thời gian dài nhưng không có biện pháp để khắc phục; nền tảng hôn nhân không vững chắc nên quá trình sống chung anh chị không có hạnh phúc. Nay anh T kiên quyết ly hôn. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải nhưng chị L không đến Tòa, điều đó chứng minh chị L cũng không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với anh T. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

2. Về con chung: Không có, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh T không yêu cầu, chị L vắng mặt, không lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh T trình bày không có, chị L vắng mặt, không lời trình bày nên không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, anh T chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh T.

Cụ thể tuyên:

1. Anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim L.

2. Về con chung: Không có, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh T không yêu cầu, chị L vắng mặt, không lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh T trình bày không có, chị L vắng mặt, không lời trình bày nên không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Minh T phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005878 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng